

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2025

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Châu M, sinh ngày 02/02/1995

Căn cước công dân số: 051195004808, cấp ngày 29/9/2022

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Q.

Nay là: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Q; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Võ Thị Châu M: Ông Nguyễn Tấn L – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV L – Chi nhánh Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đặng P, sinh ngày 15/4/1990

Căn cước công dân số: 052090011640, cấp ngày 08/5/2023

Địa chỉ: 09 Chu Huy M, phường B, thành phố Q, tỉnh B;

Nay là: 09 Chu Huy M, phường Q, tỉnh G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Châu M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng P đăng ký kết hôn số 41 ngày 01/8/2024 tại UBND phường P, thị xã Đ, tỉnh Q nay phường T, tỉnh Q, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến cuối năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

không hợp nhau về cách sống, lối sống, không có tiếng nói chung nên tranh cãi kéo dài. Anh P không quan tâm vợ con, không tôn trọng cha mẹ chị và dùng những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên tự sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị không thể nào chung sống với anh P được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh P để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Trần Nhất K, sinh ngày 16/12/2024, sức khỏe cháu bình thường và hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 07/5/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng P trình bày: Anh và chị Võ Thị Châu M đăng ký kết hôn số 41 ngày 01/8/2024 tại UBND phường P, thị xã Đ, tỉnh Q nay là phường T, tỉnh Q, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến khi chị M về nhà ngoại sinh con thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên gia đình. Vì công việc nên anh ít có thời gian về thăm vợ con nhưng anh vẫn có trách nhiệm gửi tiền cho vợ. Nay anh vẫn còn yêu thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Trần Nhất K, sinh ngày 16/12/2024, sức khỏe cháu bình thường và hiện nay đang ở với chị M. Nếu ly hôn, chị M không nuôi con thì anh sẽ nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Võ Thị Châu M: Ông Nguyễn Tấn L – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV L – Chi nhánh Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H gửi Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Châu M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn anh Đặng P không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa; đồng thời đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Châu M.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Trần Nhất K, sinh ngày 16/12/2024 cho chị Võ Thị Châu M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Võ Thị Châu M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Đặng P là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Châu M và anh Đặng P là hôn nhân hợp pháp. Theo chị M trình bày, chị xin ly hôn anh P vì tình cảm vợ chồng không còn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống, không có tiếng nói chung nên tranh cãi kéo dài, anh P không quan tâm đến vợ con. Hơn nữa anh P không tôn trọng cha mẹ chị và dùng những lời lẽ xúc phạm gia đình chị nên vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh P nên chị yêu cầu được ly hôn anh P. Tại bản khai ngày 07/5/2025 anh P trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, hơn nữa do công việc nên anh ít có thời gian về thăm vợ con nhưng anh vẫn có trách nhiệm gửi tiền cho vợ. Nay anh vẫn còn yêu thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Toà đã hoà giải theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho chị M và anh P hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P im lặng không có ý kiến và cũng không ký vào biên bản hoà giải. Như vậy chứng tỏ anh P không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy hôn nhân giữa chị M với anh P không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung là cháu Đặng Trần Nhất K, sinh ngày 16/12/2024, sức khỏe cháu K bình thường và hiện nay đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Xét thấy: Hiện nay cháu K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở ổn định với chị M và cần sự chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo của người mẹ, chị M có công việc làm và có thu nhập. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K, do đó yêu cầu giải quyết việc nuôi con của chị M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy anh P là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập và khả năng cấp dưỡng thực tế của anh P. Do đó, yêu cầu của chị M có cơ sở để chấp nhận một phần. Do các bên không thỏa

thuận được mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nên căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu K là phù hợp với nhu cầu thiết yếu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh P không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Võ Thị Châu M phải chịu 300.000đồng. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi 300.000 đồng.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Võ Thị Châu M: Ông Nguyễn Tấn L – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV LCA – Chi nhánh Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Châu M là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Châu M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Châu M ly hôn anh Đặng P.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là cháu Đặng Trần Nhất K, sinh ngày 16/12/2024 cho chị Võ Thị Châu M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng P có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị Võ Thị Châu M số tiền là 3.000.000đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng).

Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 7/2025 trở đi cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh P không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Võ Thị Châu M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0001509 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Gia Lai. Chị M đã nộp đủ án phí.

- Anh Đặng P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND P. Phổ Văn (nay là, P. Trà Câu),
(số 41/2024);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương